

NHỮNG ĐIỀU CHỈNH TRONG CHÍNH SÁCH ĐÔNG NAM Á CỦA CHÍNH QUYỀN TRUMP 2.0

TS ĐỖ KHƯƠNG MẠNH LINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 17/12/2025; Ngày phản biện: 17/12/2025; Ngày duyệt đăng: 10/2/2026.

● **Tóm tắt:** Chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống D.Trump (Trump 2.0) bộc lộ sự mất cân bằng cấu trúc giữa hai trục an ninh và kinh tế. Trên bình diện an ninh, Mỹ gia tăng can dự và củng cố liên minh, nâng cao hiện diện chiến lược và thúc đẩy các chính sách ngăn chặn. Ngược lại, trên bình diện kinh tế, Washington lại thể hiện xu hướng thu hẹp mang tính chủ nghĩa dân tộc: Áp dụng thuế quan đơn phương, khuyến khích tái cấu trúc và tái định vị chuỗi cung ứng, đồng thời cắt giảm một số kênh viện trợ. Sự phân kỳ này làm xói mòn nền tảng lợi ích chung, suy giảm niềm tin chiến lược và gây rạn nứt trong mối quan hệ tương hỗ giữa hợp tác an ninh và hợp tác kinh tế. Hệ quả là tính hiệu lực và tầm ảnh hưởng của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương bị suy giảm, đặt ra thách thức lớn cho việc duy trì ổn định khu vực và khôi phục sự phối hợp chính sách giữa Mỹ và các đối tác Đông Nam Á.

● **Từ khóa:** Chính sách Đông Nam Á; Trump 2.0; Mất cân bằng cấu trúc.



Trong bối cảnh chuyển dịch cấu trúc quyền lực toàn cầu, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trở thành không gian chiến lược then chốt của cạnh tranh địa chính trị thế kỷ XXI. Nghiên cứu về chính sách khu vực của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ dưới thời Chính quyền Trump 2.0, trở nên cấp thiết để hiểu rõ động học quyền lực và hệ lụy đối với các quốc gia Đông Nam Á. Chỉ sau một năm triển khai, chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Trump 2.0 thể hiện rõ sự mất cân bằng cấu trúc khi mở rộng hợp tác an ninh nhưng lại

thu hẹp cam kết kinh tế. Nghịch lý này phá vỡ mô thức truyền thống “hai bánh xe” của Mỹ đối với Đông Nam Á sau Chiến tranh lạnh, đồng thời bộc lộ những hạn chế nội tại trong thiết kế chính sách khu vực của Mỹ.

Mâu thuẫn cốt lõi trong chính sách này nằm ở chỗ: Tính hiệu quả của hợp tác an ninh đòi hỏi nền tảng tương hỗ kinh tế vững chắc, nhưng chính sách “Nước Mỹ trên hết” lại liên tục làm suy yếu niềm tin chiến lược của các nước Đông Nam Á. Điều này đã thúc đẩy trật tự khu vực chuyển dịch từ mô hình “tương hỗ dựa trên quy tắc” sang trạng

thái “cân bằng dẫn dắt bởi khủng hoảng”. Phân tích sự mất cân bằng này không chỉ góp phần làm rõ những bất cập trong thiết kế chính sách khu vực của Mỹ, mà còn cung cấp tham chiếu trong việc tìm kiếm con đường tự chủ chiến lược của các nước Đông Nam Á giữa cuộc cạnh tranh nước lớn.

1. Chính sách Đông Nam Á của Mỹ: Từ “Tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương” đến “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”

Thời kỳ Chính quyền B.Obama

Dưới thời Chính quyền B.Obama, trọng tâm chiến lược của Mỹ dần được điều chỉnh, từ “Xoay trục sang châu Á” phát triển thành “Tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương”, qua đó từng bước tái cấu trúc quan hệ giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á. Về mặt an ninh, Mỹ xác định Biển Đông làm trọng tâm, mở rộng hợp tác quân sự với Philippines, Indonesia và Việt Nam thông qua những dấu mốc cụ thể: Năm 2014, Mỹ và Philippines ký “Thỏa thuận Tăng cường hợp tác quốc phòng” (EDCA), cho phép quân đội Mỹ tiếp cận các căn cứ quân sự của Philippines. Năm 2015, quan hệ Mỹ - Indonesia được nâng cấp lên Đối tác chiến lược. Năm 2016, Mỹ dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm vận vũ khí đối với Việt Nam, hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực hàng hải thông qua việc chuyên giao tàu tuần tra và thiết bị giám sát. Đồng thời, Mỹ tăng cường hiện diện quân sự qua các “hoạt động tự do hàng hải” (FONOPs) và thúc đẩy quốc tế hóa vấn đề Biển Đông.

Về mặt kinh tế, Chính quyền B.Obama cam kết làm sâu sắc hơn hợp tác kinh tế với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thông qua sáng kiến “Kết nối Mỹ - ASEAN” năm 2016, tập trung vào các lĩnh vực thương mại, giáo dục và đổi mới sáng tạo (The White House, 2016). Hiệp định Đối

tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được xem là công cụ then chốt để củng cố vị thế kinh tế của Mỹ trong khu vực, đồng thời trao vai trò chiến lược cho các thành viên Đông Nam Á như Việt Nam, Malaysia, Singapore.

Thời kỳ Chính quyền Trump 1.0

Nhiệm kỳ đầu của Tổng thống D.Trump thể hiện xu hướng “lạnh nhạt” với khu vực Đông Nam Á, biểu hiện qua sự suy yếu của chủ nghĩa đa phương và cắt giảm cam kết kinh tế. Việc Mỹ rút khỏi TPP năm 2017 được xem là đã phá vỡ cấu trúc thương mại khu vực, đồng thời thái độ hoài nghi đối với ASEAN cũng làm suy giảm ảnh hưởng ngoại giao của Mỹ tại khu vực (Cronin & Cho, 2017).

Về mặt an ninh, Chính quyền Trump 1.0 coi Đông Nam Á như một “tiền đồn” trong cạnh tranh với Trung Quốc, tập trung vào hiện diện quân sự tại Biển Đông. Trong giai đoạn 2017-2020, Hải quân Mỹ đã thực hiện 20 hoạt động tự do hàng hải (FONOPs) tại vùng biển tranh chấp ở Biển Đông (tính đến hết năm 2019), đồng thời tàn suất triển khai tăng mạnh trong giai đoạn 2019-2020 (Linh Pham, 2020; Marine Corps Times, 2021). Cùng với đó, Washington thúc đẩy hợp tác an ninh phân tầng: Làm sâu sắc liên minh với Thái Lan, Philippines; củng cố quan hệ đối tác chiến lược với Singapore; mở rộng hợp tác với Việt Nam, Indonesia và các nước láng giềng.

Về mặt kinh tế, chính sách “Nước Mỹ trên hết” dẫn đến xu hướng tái cấu trúc thương mại khu vực thông qua các biện pháp thuế quan và điều chỉnh thương mại. Việc Mỹ rút khỏi TPP khiến các nước Đông Nam Á mất đi cơ hội hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu và tuân thủ các quy tắc tiêu chuẩn cao (Edelman & Fagan, 2018). Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy chuyển dịch sản xuất sang các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam, nơi trở thành trung tâm mới

của ngành công nghiệp điện tử nhờ chiến lược mở cửa và chi phí lao động cạnh tranh (Fajgelbaum et al., 2024).

Thời kỳ Chính quyền J.Biden

Chính quyền J.Biden tiếp nối “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” dưới thời Chính quyền Trump 1.0, nhưng nhấn mạnh hơn vào an ninh phi truyền thống. Về mặt kinh tế, Sáng kiến “Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng” (IPEF) năm 2022 tập trung vào thương mại số, chuỗi cung ứng bền vững và chuyển đổi năng lượng, nhằm thiết lập quy tắc mới để cạnh tranh với các sáng kiến của Trung Quốc (U.S. Department of State, 2022).

Trong lĩnh vực an ninh, Washington duy trì hiện diện quân sự mạnh mẽ tại Biển Đông nhưng chuyển trọng tâm sang xây dựng trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Chính quyền J.Biden tăng cường hợp tác đa phương với ASEAN, “lôi kéo” các nước cùng đối phó với sức ép từ Trung Quốc thông qua các cơ chế đa phương như Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - Mỹ và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF).

2. Sự mất cân bằng cấu trúc trong chính sách Đông Nam Á thời kỳ Chính quyền Trump 2.0

Logic an ninh: Tăng cường hợp tác quốc phòng và chiến lược ngăn chặn

Nền tảng an ninh trong chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Trump 2.0 vận hành theo logic “Hòa bình thông qua sức mạnh”, thể hiện qua việc củng cố hệ thống đồng minh quân sự ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thúc đẩy chính sách ngăn chặn. Tại Đối thoại Shangri-La (năm 2025), Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ P.Hegseth đã trình bày chi tiết về “Ba trụ cột lớn” trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ, bao gồm: 1) Tối ưu hóa việc

bố trí quân sự tiền phương, triển khai hệ thống tên lửa chống hạm NMESIS tại Chuỗi đảo thứ nhất và thứ hai ở Tây Thái Bình Dương cùng các lực lượng “có độ tin cậy chiến đấu” nhằm tăng cường khả năng răn đe; 2) Nâng cao năng lực quân sự của các đồng minh, làm sâu sắc hợp tác thông qua chuyển giao công nghệ, tập trận liên hợp và tăng cường năng lực phòng thủ; 3) Tăng cường tính bền vững của chuỗi cung ứng khu vực thông qua thúc đẩy Sáng kiến “Đối tác vì năng lực chống chịu công nghiệp Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (PIPIR) (U.S. Department of Defense, 2025).

Ở cấp độ hoạch định chiến lược, Chính quyền D.Trump đã sáp nhập tư tưởng “Nước Mỹ trên hết” vào phương thức ngoại giao mang tính giao dịch, phá vỡ khuôn khổ tin cậy lẫn nhau giữa các đồng minh truyền thống, nhấn mạnh đường lối thực dụng dựa trên sự trao đổi lợi ích. Ví dụ, Mỹ lấy lợi ích thực tế làm định hướng, khuyến khích các nước Đông Nam Á nâng cao năng lực tự chủ quốc phòng thông qua hợp tác phòng thủ, đồng thời vận dụng cách tiếp cận tương tự như đối với các đồng minh châu Âu khi yêu cầu nâng chi tiêu quân sự lên mức 5% GDP, và tuyên bố sẽ thu hẹp cam kết an ninh đối với các quốc gia “hưởng lợi miễn phí” (free rider) (U.S. Mission China, 2025). Tuy nhiên, khuynh hướng này có thể làm suy yếu lòng tin của các đồng minh, và làm trầm trọng thêm sự mất cân bằng cấu trúc giữa hai trục an ninh và kinh tế.

Trên thực tế, Chính quyền D.Trump đã thiết lập mạng lưới hợp tác quân sự đa tầng tại Đông Nam Á. Thông qua các chuyến thăm cấp cao như cuộc đối thoại chiến lược giữa Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ P.Hegseth và người đồng cấp Thái Lan Phumtham Wechayachai (ngày 19/2/2025), hay chuyến thăm của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Lục quân Thái

Bình Dương Ronald Clark tới Phnom Penh (ngày 24/2/2025), Mỹ đã làm sâu sắc quan hệ quốc phòng với các nước trong khu vực (U.S. Embassy & Consulate in Thailand, 2025; U.S. Embassy in Cambodia, 2025). Mỹ cũng tích cực tham gia các diễn tập quân sự đa phương như “Diễn tập Hải quân đa phương Komodo” do Indonesia chủ trì (ngày 16/2/2025) và cuộc tập trận liên hợp Mỹ - Thái “Hổ mang vàng” (từ ngày 25/2-7/3/2025), qua đó duy trì hiện diện quân sự liên tục mà không cần can thiệp trực tiếp quy mô lớn (Cronin & Neuhard, 2020).

Đặc biệt, Biển Đông trở thành trọng tâm trong chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ. *Một mặt*, Chính quyền D.Trump tăng cường cam kết an ninh với Philippines thông qua việc viện dẫn Hiệp ước Phòng thủ chung (MDT) tại Hội nghị An ninh Munich, đồng thời thiết lập cơ chế điều phối song phương đối với các vấn đề Biển Đông. Ngoại trưởng Mỹ M.Rubio cũng công khai “ủng hộ hiệu lực pháp lý của phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ kiện Biển Đông” (ngày 12/7/2025), tạo nền tảng bảo trợ cho các hành vi của Philippines tại các khu vực tranh chấp, đồng thời thúc đẩy viện trợ quân sự cho Philippines một cách có hệ thống (U.S. Department of State, 2025). *Mặt khác*, Mỹ còn mở rộng quy mô tập trận quân sự với Philippines, như tổ chức cuộc huấn luyện thực thi pháp luật hàng hải đa quốc gia tại Davao từ ngày 13-24/1/2025 nhằm tăng cường năng lực quân sự cho đồng minh (U.S. Embassy Manila, 2025). Ngoài ra, Mỹ dựa vào “Liên minh An ninh Hàng hải” (MARSEC Consortium) để cung cấp các hệ thống không người lái cho các nước Đông Nam Á, nhằm tăng cường khả năng nhận thức tình huống trên biển (Indo-Pacific Forum, 2024).

Logic kinh tế: Chủ nghĩa bảo hộ và tái định vị chuỗi cung ứng

Trái ngược với việc mở rộng hợp tác an ninh, chính sách kinh tế của Mỹ tại Đông Nam Á trong nhiệm kỳ thứ hai của D.Trump thể hiện rõ nét chiến lược “Nước Mỹ trên hết” và chủ nghĩa bảo hộ. Điều này được cụ thể hóa qua việc Mỹ dựng lên các hàng rào thuế quan, thúc đẩy hồi hương các chuỗi công nghiệp, cũng như cắt giảm quy mô viện trợ phát triển. Ngày 2/4/2025, D.Trump ký sắc lệnh áp dụng mức thuế quan cơ bản 10% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu, đồng thời thực thi thuế suất khác biệt đối với 34 đối tác thương mại chủ yếu. Sáu nước Đông Nam Á gồm Việt Nam (46%), Campuchia (49%), Lào (48%), Thái Lan (36%), Indonesia (32%) và Malaysia (24%) bị đưa vào danh sách thuế quan cao nhất (The White House, 2025a). Ngay cả sau đợt điều chỉnh ngày 31/7/2025, các quốc gia này vẫn bị đặt trong khoảng thuế quan cao hơn mức thuế quan cơ bản toàn cầu 10%, như Lào (40%), Myanmar (40%), Brunei (25%), Việt Nam (20%), Campuchia (19%), Thái Lan (19%), Malaysia (19%), Indonesia (19%), Philippines (19%).

Chiến lược này tiếp tục được điều chỉnh vào cuối nhiệm kỳ theo hướng duy trì mức thuế quan cao đối với các nước Đông Nam Á trong thang thuế quan hồ huệ, đồng thời ký kết các hiệp định thương mại song phương nhằm giành lợi thế kinh tế đơn phương. Các hiệp định ký kết với Malaysia, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam (ngày 26/10/2025) tập trung vào việc yêu cầu các nước này mở cửa thị trường, cung cấp “sự tiếp cận thị trường không phân biệt đối xử” cho hàng hóa Mỹ, và cam kết đầu tư quy mô lớn vào Mỹ (The White House, 2025b). Song song với đó, Mỹ lần lượt ký kết thỏa thuận hợp tác đất hiếm với Malaysia và Thái Lan, nhằm đảm bảo các doanh nghiệp Mỹ được ưu tiên tiếp cận nguồn tài nguyên đất

hiếm tại Đông Nam Á (The White House, 2025c). Logic cốt lõi của các sách lược nêu trên nằm ở việc Mỹ tận dụng quy mô kinh tế khổng lồ và ưu thế thị trường của mình để biến sự điều chỉnh thuế quan thành “con bài” đàm phán, yêu cầu các nước Đông Nam Á phải đưa ra những nhượng bộ thực chất trong các lĩnh vực then chốt như mở cửa thị trường, tiếp cận tài nguyên và cam kết đầu tư. Điều này về thực chất đã cấu thành một khung khổ thương mại bất đối xứng mang tính chất “Nước Mỹ trên hết”.

Bên cạnh đó, Chính quyền D.Trump tích cực thúc đẩy chính sách “tái định vị chuỗi cung ứng” (reshoring) thông qua các ưu đãi thuế và thuế quan trừng phạt. Ngày 2/4/2025, Nhà Trắng ban hành Lệnh hành pháp yêu cầu các nhà sản xuất ô tô chuyển dây chuyền sản xuất các bộ phận cốt lõi về Bắc Mỹ, đồng thời áp thuế quan trừng phạt theo thang bậc đối với một số nền kinh tế, trong đó có các nước Đông Nam Á (The White House, 2025a). Điều này không chỉ làm tổn thương các ngành công nghiệp trụ cột của các nước trong khu vực mà còn tạo nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Đáng chú ý, cơ chế thuế quan trừng phạt được thiết kế theo thang bậc đã khiến nhiều quốc gia Đông Nam Á bị xếp vào nhóm chịu mức thuế suất cao nhất.

Quy mô viện trợ phát triển cũng bị cắt giảm nghiêm trọng, phản ánh triết lý “ngoại giao mang tính giao dịch” trong chính sách đối ngoại của D.Trump. Mô hình ngoại giao này đã đảo lộn logic truyền thống của viện trợ phát triển, vốn đặt ưu tiên vào người nhận viện trợ. Theo đó, ngân sách viện trợ phát triển của Mỹ dành cho Đông Nam Á giảm từ 860 triệu USD (năm 2020) xuống dưới 150 triệu USD (năm 2025) (U.S. Department of State, 2024). Dù Washington vẫn duy trì một số dự án viện trợ như

chuyển giao Hệ thống Năng lượng di động cho tỉnh Palawan, Philippines (ngày 16/5/2025) hay hỗ trợ xây dựng tuyến đường sắt “Subic - Clark - Manila - Batangas” (ngày 27/6/2025), song các khoản viện trợ này đều gắn chặt với lợi ích kinh tế của Mỹ thay vì tuân theo nguyên tắc viện trợ không kèm điều kiện (U.S. Embassy in the Philippines, 2025).

Chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Trump 2.0 bộc lộ sự thiếu nhất quán rõ rệt giữa hai trục an ninh và kinh tế. Trong khi Mỹ đẩy mạnh hợp tác an ninh đòi hỏi nền tảng tin cậy và hỗ trợ kinh tế bền vững thì các biện pháp kinh tế đơn phương lại liên tục làm suy yếu niềm tin chiến lược của các nước Đông Nam Á vào Mỹ. Hệ quả là trật tự khu vực dần chuyển từ mô hình hợp tác dựa trên luật lệ sang trạng thái cân bằng bị chi phối bởi khủng hoảng, khiến các quốc gia nhỏ hơn càng khó khăn hơn trong việc giữ vững thế tự chủ chiến lược giữa các cường quốc.

Tác động đa chiều của chính sách Đông Nam Á thời Trump 2.0

Giằng co giữa phụ thuộc an ninh và lợi ích kinh tế

Mối liên kết giữa kinh tế và an ninh không phải lúc nào cũng mang tính phối hợp tích cực. Khi các cường quốc theo đuổi tối đa hóa lợi ích thông qua chính sách đơn phương, mối quan hệ này sẽ rơi vào trạng thái mất cân bằng, thậm chí là đối lập. Trong bối cảnh Đông Nam Á, chính sách thời Trump 2.0 bộc lộ mâu thuẫn cấu trúc sâu sắc: Hiệu quả của hợp tác an ninh đòi hỏi nền tảng là tương hỗ kinh tế, trong khi chủ nghĩa lợi ích kinh tế lại liên tục làm suy yếu niềm tin chiến lược của các nước Đông Nam Á đối với Mỹ, cuối cùng dẫn đến tình trạng công cụ chính sách xuất hiện sự sai lệch chức năng và sự mất hiệu lực của cơ chế.

Thứ nhất, sự sai lệch chức năng làm suy giảm lòng tin. Chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Trump 2.0 thể hiện đặc trưng “sai lệch chức năng” khi các cơ chế hợp tác an ninh khu vực và khuôn khổ tin cậy kinh tế bị biến thành đòn bẩy cho cạnh tranh địa chính trị. Báo cáo Khảo sát tình hình Đông Nam Á 2025 của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS) cho thấy, 56,4% người được hỏi nhận định Trung Quốc là quốc gia có ảnh hưởng kinh tế lớn nhất khu vực, vượt xa mức 15,4% của Mỹ (ISEAS Yusof Ishak Institution, 2025). Điều tra của Pew Research Center (2025) cũng chỉ ra độ thiện cảm đối với Mỹ sụt giảm mạnh tại khu vực này, phản ánh việc hành động đơn phương về kinh tế đã làm suy yếu tính chính danh của các cam kết an ninh của Mỹ và làm trầm trọng thêm mức độ thâm hụt niềm tin trong khu vực.

Thứ hai, sự mất hiệu lực của cơ chế và gia tăng chi phí liên minh. Trong hệ thống liên minh, quan hệ kinh tế - thương mại là biến số cốt lõi. Việc duy trì liên minh đòi hỏi các quốc gia thành viên chia sẻ chi phí và thiết lập cơ chế bù đắp lợi ích. Nếu một quốc gia thực hiện hành động đơn phương, không thực hiện cam kết hỗ trợ kinh tế đối với đồng minh, sẽ dẫn đến sự mất cân bằng về quyền hạn và trách nhiệm trong nội bộ liên minh, từ đó làm tăng chi phí tổng thể của liên minh (Sandler, 1993). Chủ nghĩa lợi ích kinh tế của Mỹ đã khiến cơ chế bù đắp này mất hiệu lực, dẫn đến chi phí liên minh gia tăng và việc quản lý liên minh phức tạp hơn. Mỹ áp dụng các biện pháp như tập trận quân sự liên hợp tần suất cao để thúc đẩy chi tiêu chiến lược của các đồng minh, nhưng lại không thiết lập cơ chế bù đắp kinh tế tương ứng. Trong khi đó, các biện pháp như hàng rào thuế quan đánh vào các ngành công nghiệp trụ cột của đồng minh (như ô tô, điện tử của Thái Lan) đã

tạo ra nghịch lý giữa cam kết an ninh và lợi ích kinh tế (The White House, 2025b). Mặt khác, nghịch lý chính sách này buộc lợi ích kinh tế và lợi ích an ninh của các đồng minh Đông Nam Á của Mỹ khó có thể đạt được sự hiệp đồng tích cực, từ đó buộc phải tìm kiếm sự cân bằng chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Sự dao động chiến lược này sẽ buộc Mỹ phải đầu tư nhiều nguồn lực ngoại giao hơn để giành lại niềm tin và duy trì sự gắn kết của liên minh.

Phản ứng dây chuyền trên phương diện kinh tế

Chính sách kinh tế đơn phương của D.Trump tạo ra những tác động tiêu cực đa chiều đến khu vực Đông Nam Á. Một mặt, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã dẫn đến việc các doanh nghiệp đa quốc gia phải khởi động để chuyển dịch chuỗi cung ứng, qua đó làm gia tăng tính phân mảnh của chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong nhiệm kỳ đầu của D.Trump, Đông Nam Á được xem là nơi để các doanh nghiệp né tránh thuế quan Mỹ - Trung, thì đến nhiệm kỳ thứ hai, khu vực này phải đối mặt với mức thuế cao hơn, làm xói mòn lợi thế cạnh tranh. Mạng lưới sản xuất chuyên môn hóa cao của khu vực, như ngành kiểm thử bán dẫn của Việt Nam hay linh kiện ô tô của Thái Lan, có nguy cơ gián đoạn do các biện pháp phong tỏa công nghệ và thuế quan đối đẳng (Khan et al., 2024, 1171).

Mặt khác, việc cắt giảm viện trợ và phong tỏa công nghệ làm gia tăng rủi ro “tách rời công nghệ”. Chính quyền D.Trump gây sức ép lên các nước Đông Nam Á, yêu cầu họ thúc đẩy tiến trình tách rời Trung Quốc trong bố trí chuỗi công nghiệp. Đồng thời, Mỹ đòi hỏi các quốc gia trong khu vực tuân thủ các quy tắc kiểu Mỹ trong quản trị dữ liệu và thương mại kỹ thuật số, qua đó hình thành cục diện đối kháng với Sáng kiến “Con

đường tơ lụa kỹ thuật số” của Trung Quốc. Điều này không chỉ làm thu hẹp không gian hợp tác kinh tế số giữa Trung Quốc và ASEAN, mà còn buộc các nước Đông Nam Á phải đối mặt với sự lựa chọn khó khăn giữa các tiêu chuẩn công nghệ đối kháng (Asia Society Policy Institute, 2025).

Hiệu ứng địa chính trị trên bình diện an ninh

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dưới thời Chính quyền D.Trump tiếp tục làm trầm trọng thêm những rủi ro an ninh tại Biển Đông. Thông qua việc triển khai hệ thống tên lửa chống hạm NMEIS tại Philippines và thúc giục các nước có yêu sách lãnh thổ tăng cường năng lực an ninh hàng hải, Mỹ đã làm gia tăng tâm lý bất an trong khu vực. Việc Bộ Ngoại giao các nước nhóm G7 ra Tuyên bố về An ninh hàng hải (ngày 14/3/2025) và viện dẫn phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ kiện Biển Đông năm 2016 đã thiết lập khuôn khổ “pháp trị”, từ đó chuyển hóa tranh chấp chủ quyền thành vấn đề “tự do hàng hải quốc tế” (U.S. Mission to ASEAN, 2025; USNI News, 2025).

Trong quá trình cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, các quốc gia Đông Nam Á luôn theo đuổi chiến lược cân bằng giữa các cường quốc. Logic cốt lõi của chiến lược này là không loại trừ ảnh hưởng của các cường quốc ngoài khu vực, thông qua việc tận dụng mâu thuẫn và tình thế cạnh tranh quyền lực để chủ động xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và an ninh với các cường quốc, đồng thời tránh thiết lập liên minh quân sự và ngăn chặn sự trỗi dậy quá mức của một cường quốc đơn lẻ, từ đó đạt được sự cân bằng quyền lực tương đối trong khu vực, thực hiện mục tiêu chiến lược duy trì an ninh và ổn định khu vực. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ thứ hai của D.Trump, chiến lược cân bằng cường quốc của ASEAN sẽ đối mặt với thách thức

toàn diện, làm gia tăng tính phức tạp, dễ tổn thương và độ khó trong thực thi. Hệ quả quan trọng nhất là tình thế “chọn bên” ngày càng trầm trọng, làm suy yếu chiến lược cân bằng giữa các cường quốc của Đông Nam Á. Tư duy “trò chơi có tổng bằng không” và chính sách loại trừ của Mỹ đã cản trở khả năng duy trì lập trường trung lập ở các lĩnh vực then chốt. Báo cáo *Khảo sát tình hình Đông Nam Á 2025* của ISEAS cho thấy, có 53,2% số người được hỏi cho rằng ASEAN nên tăng cường khả năng phục hồi và đoàn kết để đối phó với sức ép từ Trung Quốc và Mỹ. Điều này phản ánh xu hướng gia tăng tính tự chủ chiến lược của khối nhằm tránh rơi vào tình thế phải chọn bên (ISEAS Yusof Ishak Institution, 2025).

Bên cạnh đó, việc Chính quyền Trump 2.0 xem nhẹ các vấn đề an ninh phi truyền thống đã tạo ra khoảng trống quản trị trong khu vực. Trong khi ASEAN xác định “an ninh phi truyền thống” là một trụ cột quan trọng trong lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, thì các vấn đề an ninh phi truyền thống mà các nước Đông Nam Á quan tâm rộng rãi lại khó nhận được sự hỗ trợ tài chính thực chất trong khuôn khổ chính sách của Mỹ, do Washington tập trung vào lợi ích kinh tế thuần túy. Việc hủy bỏ các cam kết hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh như khuôn khổ “Quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng” (JETP) không chỉ làm suy yếu khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của các nước Đông Nam Á, mà còn làm giảm mức độ ảnh hưởng của Mỹ trong quản trị toàn cầu (Crabtree, 2025).

Những tác động đa chiều này cho thấy, sự mất cân bằng giữa mở rộng hợp tác an ninh và thu hẹp cam kết kinh tế trong chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Trump 2.0 đã tạo ra hiệu ứng phản tác dụng. Hệ quả là tính hiệu quả tổng thể của Chiến lược Ấn

Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ tại khu vực bị suy giảm đáng kể.

Tóm lại, chính sách Đông Nam Á dưới nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống D.Trump cho thấy một sự mất cân bằng cấu trúc rõ rệt trong mô hình an ninh - kinh tế truyền thống của Mỹ. Nghịch lý này biểu hiện ở việc mở rộng mạnh mẽ cam kết an ninh đi đôi với sự thu hẹp chiến lược trong lĩnh vực kinh tế. Nguồn gốc của sự mất cân bằng này bắt nguồn từ mâu thuẫn nội tại trong thiết kế chính sách: Logic đơn phương, giao dịch vị lợi trong kinh tế theo chủ nghĩa “Nước Mỹ trên hết” mâu thuẫn trực tiếp với nền tảng hợp tác đa phương và cùng có lợi cần thiết

để duy trì một kiến trúc an ninh bền vững.

Sự mất cân bằng cấu trúc này đã tạo ra những phản ứng ngược chiều, làm suy yếu nghiêm trọng hiệu quả tổng thể của chính sách. *Một mặt*, nó làm xói mòn niềm tin chiến lược của các quốc gia Đông Nam Á vào cam kết và độ tin cậy lâu dài của Mỹ, đẩy họ vào thế tiến thoái lưỡng nan giữa yêu cầu bảo đảm an ninh và mục tiêu phát triển. *Mặt khác*, sự thiếu vắng nền tảng hợp tác kinh tế bền chặt đã trực tiếp cản trở mục tiêu của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, làm giảm sức gắn kết và tính bền vững của hệ thống liên minh mà Mỹ muốn xây dựng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asia Society Policy Institute (2025), *U.S.-China-Southeast Asia Relations in a Second Trump Administration*, <https://asiasociety.org/policy-institute/us-china-southeast-asia-relations-second-trump-administration>
2. Linh Pham (2020), *US beefs up FONOPS in South China Sea since Trump presidency*, <https://hanoitimes.vn/us-identifies-naval-patrols-in-south-china-sea-since-trump-presidency-carl-thayer.578804.html>
3. Crabtree, J. (2025), *Relations between the U.S., China, and Southeast Asia in Trump's Second Term*, <https://asiasociety.org/policy-institute/us-china-southeast-asia-relations-second-trump-administration>
4. Cronin, P. M. & Cho, A. (2017), *Averting disengagement: A geo-economics strategy for the Trump administration in Southeast Asia*, <https://www.cnas.org/publications/reports/averting-disengagement>
5. Cronin, P. M. & Neuhard, R. (2020), *Total competition: China's challenge in the South China Sea*, <https://www.hudson.org/foreign-policy/total-competition-china-s-challenge-in-the-south-china-sea>
6. Edelman, D. & Fagan, C. (2018), *U.S. influence in the wake of the Trans-Pacific Partnership*, *Center for Strategic and International Studies*, <https://journalism.csis.org/u-s-influence-in-the-wake-of-the-trans-pacific-partnership/>
7. Fajgelbaum, P. D., Goldberg, P. K., Kennedy, P. J., & Khandelwal, A. K. (2020), *The return to protectionism*, *The Quarterly Journal of Economics*, 135(1), pp.1-55.
8. Indo-Pacific Defense Forum (2024), *Maritime security group examines Southeast Asian challenges, accessible U.S. technology*, <https://ipdefenseforum.com/2024/12/maritime-security-group-examines-southeast-asian-challenges-accessible-u-s-technology/>
9. ISEAS Yusof Ishak Institution (2025), *The State of Southeast Asia: 2025 Survey Report*, <https://www.iseas.edu.sg/centres/asean-studies-centre/state-of-southeast-asia-survey/the-state-of-southeast-asia-2025-survey-report/>
10. Khan, H., Hayat, K., Adnan, M. & Hussain, M. (2024), *The impact of trade wars on global supply chains: A case study of the U.S.-China conflict*, *Social Science Review Archives*, vol.2, no.2.
11. Marine Corps Times (2021), *US military challenged fewer maritime claims with FONOPs in FY 2020*, <https://www.marinecorpstimes.com/news/your-navy/2021/03/10/us-military-conducted-fewer-phonops-in-fy-2020/>

12. Pew Research Center (2025), *How people in 9 middle-income countries see relations with the U.S., China*, <https://www.pewresearch.org/short-reads/2025/07/15/how-people-in-9-middle-income-countries-see-relations-with-the-us-china/>
13. Sandler, T. (1993), *The economic theory of alliances: A survey*, *Journal of Conflict Resolution*, vol.37, no.3, pp.446-483.
14. The White House (2016), *Fact sheet: U.S.-ASEAN connect*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2016/09/08/fact-sheet-us-asean-connect>
15. The White House (2025a), *Regulating imports with a reciprocal tariff to rectify trade practices that contribute to large and persistent annual United States goods trade deficits*, <https://www.whitehouse.gov/presidential-actions/2025/04/regulating-imports-with-a-reciprocal-tariff-to-rectify-trade-practices-that-contribute-to-large-and-persistent-annual-united-states-goods-trade-deficits/>
16. The White House (2025b), *President Trump opens Asia trip by securing landmark wins for America*, <https://www.whitehouse.gov/articles/2025/10/president-trump-opens-asia-trip-by-securing-landmark-wins-for-america/>
17. The White House (2025c), *Further modifying the reciprocal tariff rates*, <https://www.whitehouse.gov/presidential-actions/2025/07/further-modifying-the-reciprocal-tariff-rates/>
18. U.S. Department of Defense (2025), *Remarks by Secretary of Defense Pete Hegseth at the 2025 Shangri-La Dialogue in Singapore (as delivered)*, <https://www.defense.gov/News/Speeches/Speech/Article/4202494/remarks-by-secretary-of-defense-pete-hegseth-at-the-2025-shangri-la-dialogue-in/>
19. U.S. Department of State (2022), *2022 supply chain ministerial*, <https://www.state.gov/2022-supply-chain-ministerial/>
20. U.S. Department of State (2024), *Fiscal year 2025 international affairs budget*, <https://www.state.gov/fy-2025-international-affairs-budget/>
21. U.S. Department of State (2025), *On the 9th anniversary of the Philippines-China South China Sea arbitral tribunal ruling*, <https://www.state.gov/releases/2025/07/on-the-9th-anniversary-of-the-philippines-china-south-china-sea-arbitral-tribunal-ruling/>
22. U.S. Embassy & Consulate in Thailand (2025), *Readout of Secretary of Defense Pete Hegseth's call with Thailand deputy prime minister and minister of defence Phumtham Wechayachai*, <https://th.usembassy.gov/readout-of-secretary-of-defense-pete-hegseths-call-with-thailand-deputy-prime-minister/>
23. U.S. Embassy in Cambodia (2025), *Readout: USARPAC general travels to Cambodia*, <https://kh.usembassy.gov/usarpac-general-travels-to-cambodia/>
24. U.S. Embassy in the Philippines (2025), *U.S. announces Php3 billion in foreign assistance for the Philippines*, <https://ph.usembassy.gov/u-s-announces-php3-billion-in-foreign-assistance-for-the-philippines/>
25. U.S. Embassy Manila (2025), *U.S., Philippines hold multinational training event to strengthen maritime security*, <https://ph.usembassy.gov/u-s-philippines-hold-multinational-training-event-to-strengthen-maritime-security/>
26. U.S. Mission China (2025), *Remarks by Secretary of Defense Pete Hegseth at the 2025 Shangri-La Dialogue in Singapore (as delivered)*, <https://china.usembassy-china.org.cn/remarks-by-secretary-of-defense-pete-hegseth-at-the-2025-shangri-la-dialogue-in-singapore-as-delivered>
27. U.S. Mission to ASEAN (2025), *G7 Foreign Ministers Declaration on Maritime Security and Prosperity*, <https://asean.usmission.gov/g7-foreign-ministers-declaration-on-maritime-security-and-prosperity/>
28. USNI News (2025), *SECDEF Hegseth Announces Marine Anti-Ship Missile Deployment to Balikpapan, Defense Industrial Base Cooperation with Manila in Philippines Visit*, <https://news.usni.org/2025/03/28/secdef-hegseth-announces-marine-anti-ship-missile-deployment-to-balikatan-defense-industrial-base-cooperation-with-manila-in-philippines-visit>